

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2024/DS-ST

Ngày: 28-11-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng
và hợp đồng thế chấp tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Trần Ngoan;

Bà Bùi Nguyễn Tuyết Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Định – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08, 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ1 (P).

Địa chỉ: B N, phường T, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình L: Ông Nguyễn Hoàng Trung N, chức vụ: Phó Giám đốc Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản.

Người được ông Nguyễn Hoàng Trung N ủy quyền lại:

1/ Ông Lê Tiến Đ, sinh năm 1978, chức vụ: Phó Giám đốc QLKH Khu vực T1.

2/ Bà Huỳnh Thị Mỹ D, sinh năm 1992, chức vụ: Chuyên viên tổ tụng.

Cùng địa chỉ: Lâu F, số A T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Lữ Minh N1, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Lữ Minh T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông Lê Tiến Đ có mặt tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị Mỹ D, ông Lữ Minh N1, ông Lữ Minh T đều vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của nguyên đơn trình bày: Ông Lữ Minh N1 và Ngân hàng TMCP P1 – Phòng G (nay là Ngân hàng TMCP Đ1 (P) có ký với nhau Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số: 3403/2011/HĐTD-CN.CL ngày 28-3-2011 để vay số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay là mua xe ô tô tải nhãn hiệu CHEVROLET, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất theo quy định tại Hợp đồng tín dụng trung-dài hạn số: 3403/2011/HĐTD-CN.CL ngày 28-3-2011. Để đảm bảo cho khoản vay tài sản bảo đảm nhãn hiệu: CHEVRORET, loại xe: Xe 02 chỗ, số loại: SPARVAN số khung: 998283, số máy: 3-660398KC2, Biển số: 66D-000.09 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 4203/2011/HĐTC-CN.CL ký ngày 28-3-2011. Sau khi được cấp tín dụng, ông N1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông N1 vẫn không có thiện chí trả nợ nên Ngân hàng TMCP Đ1 (P) khởi kiện yêu cầu ông N1 trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 (P) số tiền dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số: 3403/2011/HĐTD-CN.CL ngày 28-3-2011 là 166.400.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 27-11-2024 là 606.533.755 đồng (trong đó: tiền lãi trong hạn là 44.424.324 đồng, tiền lãi quá hạn là 562.109.432 đồng) và tiếp tục chịu lãi theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số: 3403/2011/HĐTD-CN.CL ngày 28-3-2011 cho đến khi thanh toán xong. Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 4203/2011/HĐTC-CN.CL ký ngày 28-3-2011 theo quy định. Ngân hàng không yêu cầu giải quyết đối với việc ông N1 cầm cố chiếc xe CHEVRORET, loại xe: Xe 02 chỗ, số loại: SPARVAN số khung: 998283, số máy: 3-660398KC2 cho ông T.

Bị đơn Lữ Minh N1 trình bày: Ông N1 thừa nhận là có vay tiền và thế chấp tài sản như nguyên đơn trình bày nhưng chỉ đồng ý trả số tiền gốc là 166.400.000 đồng và không đồng ý trả lãi vì do Ngân hàng ông N1 vay chuyển đổi hay sáp nhập gì đó thành Ngân hàng TMCP Đ1 (P) mà không thông báo cho ông N1 biết và cũng không giao giấy xe photo công chứng hợp lệ cho ông N1 làm cho xe của ông N1 không có đăng kiểm và tham gia giao thông được nên gây thiệt hại cho ông N1 và ông N1 sẽ yêu cầu bồi thường thiệt hại. Xe thế chấp thì hiện do ông Lữ Minh T đang quản lý. Và ông N1 yêu cầu tính lại thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lữ Minh T trình bày: Ông T đang quản lý xe là đúng vì ông N1 đã cầm cố xe này cho ông T với số tiền

150.000.000 đồng từ năm 2012 đến nay chưa chuộc lại cũng không đóng lãi theo thỏa thuận là 2%/tháng cho ông T nên ông T không đồng ý cho Tòa án thẩm định chiếc xe. Ông T sẽ giao nộp hợp đồng cầm cố xe giữa ông và ông N1 cho Tòa án sau.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Lữ Minh N1 trả tổng số tiền là 772.933.755 đồng, trong đó nợ gốc là 166.400.000 đồng, tiền lãi là 606.533.755 đồng; công nhận Hợp đồng thế chấp tài sản số: 4203/2011/HĐTC-CN.CL ký ngày 28-3-2011.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Không yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn Lữ Minh N1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lữ Minh T vắng mặt không có lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn Lữ Minh N1 trả cho nguyên đơn số tiền dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số: 3403/2011/HĐTD-CN.CL ngày 28-3-2011 là 166.400.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 27-11-2024 là 606.533.755 đồng (trong đó: tiền lãi trong hạn là 44.424.324 đồng, tiền lãi quá hạn là 562.109.432 đồng) và tiếp tục chịu lãi theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số: 3403/2011/HĐTD-CN.CL ngày 28-3-2011 cho đến khi thanh toán xong. Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 4203/2011/HĐTC-CN.CL

ký ngày 28-3-2011 theo quy định nếu ông N1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Xét thấy: Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số: 3403/2011/HĐTD-CN.CL ngày 28-3-2011 và khế ước nhận nợ ngày 28-3-2011 mà ông N1 đã ký với Ngân hàng TMCP P1 – Phòng G (nay là Ngân hàng TMCP Đ1 (P) là có thật, nội dung các bên thỏa thuận xuất phát từ sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Ông N1 không thanh toán nợ theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết nên Ngân hàng TMCP P1 – Phòng G (nay là Ngân hàng TMCP Đ1 (P) khởi kiện yêu cầu ông N1 trả các khoản nợ như nêu trên là có căn cứ. Đối với hợp đồng thế chấp tài sản số 4203/2011/HĐTC-CN.CL ký ngày 28-3-2011 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh số BF11003495BD có hiệu lực vào ngày 28-3-2011 chưa được xóa trên hệ thống đăng ký biện pháp bảo đảm phù hợp với quy định của Luật dân sự nên công nhận hiệu lực của hợp đồng thế chấp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông N1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, vi phạm nghĩa vụ trả lãi và gốc.

Theo Bảng kê tính lãi tiền vay đến ngày 27/11/2024 và lời trình bày của người đại diện của nguyên đơn thì ông N1 còn nợ nguyên đơn nợ gốc 166.400.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 27-11-2024 là 606.533.755 đồng (trong đó: tiền lãi trong hạn là 44.424.324 đồng, tiền lãi quá hạn là 562.109.432 đồng). Cách thức tính lãi, mức lãi suất phù hợp với thỏa thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng.

Do đó, căn cứ các thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 280, Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015, ông N1 phải có nghĩa thanh toán đầy đủ các khoản tiền còn thiếu như nêu trên và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

Vì vậy, có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ1. Buộc ông N1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 số tiền gốc 166.400.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 27-11-2024 là 606.533.755 đồng (trong đó: tiền lãi trong hạn là 44.424.324 đồng, tiền lãi quá hạn là 562.109.432 đồng) và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 28/11/2024 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ vay.

Trong trường hợp ông N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự 2015. Đối với ông Lữ Minh T là người đang cầm cố, quản lý tài sản bảo đảm là chiếc xe nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không có yêu cầu gì trong vụ án này mặc dù đã được Tòa án thông báo theo quy nên nếu có tranh chấp phát sinh sẽ được giải quyết trong vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ1 nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

là 34.917.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng TMCP Đ1 không phải chịu án phí.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 117, 280, 317, 318, 319, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ1 (P).

Buộc ông Lữ Minh N1 có nghĩa trả cho Ngân hàng TMCP Đ1 (P) số tiền nợ gốc của Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số: 3403/2011/HĐTD-CN.CL ngày 28-3-2011 và Khế ước nhận nợ ngày 28-3-2011 là 166.400.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 27-11-2024 là 606.533.755 đồng (trong đó: tiền lãi trong hạn là 44.424.324 đồng, tiền lãi quá hạn là 562.109.432 đồng) và tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 29-11-2024 theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số: 3403/2011/HĐTD-CN.CL ngày 28-3-2011 và Khế ước nhận nợ ngày 28-3-2011 cho đến khi thanh toán xong.

Công nhận hợp đồng thế chấp Hợp đồng thế chấp tài sản số 4203/2011/HĐTC-CN.CL ký ngày 28-3-2011 giữa người thế chấp là ông Lữ Minh N1 và người nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP P1 – Phòng G (nay là Ngân hàng TMCP Đ1 (P)). Tài sản thế chấp là xe ô tô 02 chỗ, số loại: SPARVAN số khung: 998283, số máy: 3-660398KC2, Biển số: 66D-000.09. Trường hợp sau khi có Bản án có hiệu lực pháp luật anh N1 không thực hiện trả số tiền vay còn thiếu đầy đủ cho Ngân hàng TMCP Đ1 (P), thì Cơ quan Thi hành án dân sự có quyền xử lý tài sản đã thế chấp trong hợp đồng nói trên để thi hành án theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lữ Minh N1 có nghĩa vụ chịu 34.917.000 đồng (Ba mươi bốn triệu chín trăm mười bảy nghìn đồng) án phí.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ1 (P) không phải chịu án phí nên được nhận lại 15.536.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm (do Trần Phương K nộp thay) theo Biên lai thu số: 002575 ngày 28-10-2021 của Cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

3. Đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28-11-2024). Riêng bị đơn Lữ Minh N1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lữ Minh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Dương